

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỌ XUÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 25 - 12 - 2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Tiến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn

2. Ông Bùi Thanh Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về " ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Hàn Thị V , sinh năm 1993, địa chỉ: Tổ 5 phố Ng, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn N , sinh năm 1989, nơi ĐKKHKT: Thôn Q, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Hàn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh N qua tìm hiểu, tự nguyện yêu thương, lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T vào ngày 18/3/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 3 năm đã phát sinh

nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt gia đình, anh N không tu chí làm ăn mà chơi bời dẫn đến nghiện ma túy; chị và gia đình đã khuyên nhủ anh N nhiều lần, nhưng anh N không thay đổi, nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến cuối năm 2019 chị về nhà mẹ đẻ sinh sống, từ đó vợ chồng ly thân đến nay, không còn quan tâm, qua lại với nhau. Đến tháng 8/2020 chị được biết anh N phạm tội về ma túy bị bắt giam và bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân kết án phạt tù. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị V xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn An D, sinh ngày 25/02/2015; hiện tại cháu D đang ở với bố mẹ đẻ anh N từ sau khi anh N bị bắt giam. Ly hôn nguyện vọng của chị là xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị V xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/11/2020 bị đơn là anh Nguyễn Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị V qua việc tự nguyện tìm hiểu, lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T vào ngày 18/3/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp. Đến tháng 8/2020 anh bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; hiện tại anh đang bị tạm giam. Nay chị V làm đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: anh N xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn An D, sinh ngày 25/02/2015; hiện tại cháu D đang ở với bố mẹ đẻ anh. Quan điểm của anh N là để con cho mẹ đẻ anh nuôi dưỡng, khi nào anh chấp hành án phạt tù xong anh sẽ trực tiếp nuôi con; anh không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: anh N xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 10/12/2020, đại diện Ủy ban nhân dân xã X cho biết: Chị Hàn Thị V và anh Nguyễn Văn N có đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 18/3/2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn An D, sinh ngày 25/02/2015, hiện nay đang ở với bố mẹ đẻ anh N. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019; đến năm 2020 anh N phạm tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”, hiện tại đang phải đi chấp hành án tại trại giam.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Hàn Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Văn N . Về con chung: giao cháu Nguyễn An D cho chị Hàn Thị V được trực tiếp nuôi dưỡng; anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ: không xem xét. Về án phí: chị Hàn Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình; bị đơn là anh Nguyễn Văn N , có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Quyết Thắng 1, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (hiện tại anh N đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa), nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, nhưng trước đó đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Hàn Thị V và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục và đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/3/2014, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng giữa chị V và anh N chỉ thực sự hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 3 năm đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt gia đình; vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2019. Đến tháng 8 năm 2020 anh N bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; sau đó đến ngày 27/10/2020 anh N đã bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 02 năm 03 tháng tù; hiện đang phải đi chấp hành án phạt tù tại trại giam, nên mâu thuẫn giữa vợ chồng càng trở nên trầm trọng hơn. Nay chị V một mực đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn; còn anh N có quan điểm đồng ý ly hôn. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị V , xử cho chị Hàn Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Văn N .

[3] Về con chung: Chị Hàn Thị V và anh Nguyễn Văn N có 01 (một) con

chung là cháu Nguyễn An D , sinh ngày 25/02/2015; hiện tại cháu D đang ở với bố mẹ đẻ anh N .

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị V thấy rằng: Chị V có đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi con, trong khi anh N hiện đang phải đi chấp hành án phạt tù trong trại giam không có điều kiện để trực tiếp nuôi con. Anh N có ý kiến là để con cho mẹ đẻ anh nuôi dưỡng là không phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần chấp nhận yêu cầu của chị V , giao con chung cho chị V được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị V không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị V và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được ghi nhận.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Hàn Thị V và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hàn Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Hàn Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Văn N .

2. *Về con chung:* Chị Hàn Thị V và anh Nguyễn Văn N có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn An D , sinh ngày 25/02/2015.

Giao con chung là cháu Nguyễn An D cho chị Hàn Thị V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ:* Không xem xét.

4. *Về án phí:* Chị Hàn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm,

nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị V đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0006246 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Hàn Thị V đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*5. Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

**Lê Minh Tiến**